

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 769/2019/HS-PT

Ngày: 28/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;
Ông Nguyễn Tất Nam.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 674/TL-HSPT ngày 03 tháng 09 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2019/HS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số nhà 03, đường A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Thái Bình; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Xuân H (đã chết) và bà Lê Thị V, sinh năm 1948; có vợ là chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1991 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H do Tòa án chỉ định: Bà Đinh Thị Kim T, luật sư văn phòng luật sư D thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội ; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo Nguyễn Thị T, nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thái Bình, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên từ tháng 12/2016 đến tháng 10/2017 Nguyễn Thị T, giáo viên trường Trung học cơ sở (THCS) thị trấn B, với sự giúp sức của em trai là Nguyễn Văn H, đã làm giả 5 hồ sơ vay tiền, 25 hồ sơ mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam thịnh vượng (VPBank) bằng cách thông qua việc lợi dụng sự sơ hở trong quản lý con dấu của bà Vũ Thị Bích H là cán bộ làm công tác văn thư trường THCS thị trấn B. T đã tự ý lấy dấu của trường THCS thị trấn B, dấu chức danh của ông Nguyễn Bá B - Hiệu trưởng và bà Phạm Thị L - Phó hiệu trưởng nhà trường đóng vào tờ giấy trắng khổ A4. Sau đó, T sử dụng máy tính nhập thông tin giả của những người đứng tên trên các hồ sơ vay và mở thẻ vào biểu mẫu Bảng xác nhận thông tin nhân sự và thu nhập, rồi căn chỉnh để vị trí hình dấu đã đóng trước đó khớp với mục xác nhận của đơn vị rồi in ra. T ký giả chữ ký của ông Nguyễn Bá B hoặc bà Phạm Thị L lên trên hình dấu đã đóng sẵn. T kê khai trong các Bảng xác nhận thông tin nhân sự và thu nhập này mức thu nhập cao hơn so với thực tế, mục đích để được Ngân hàng VPBank duyệt mức cho vay cao, mỗi một hồ sơ T đều kê khai một số điện thoại liên lạc khác nhau (đều là sim rác), thông tin giả của từng người cũng khác nhau. Sau khi làm xong, qua dịch vụ chuyển phát nhanh, T gửi những hồ sơ giả này lên cho Vũ Tuấn C (19 hồ sơ) hoặc Nguyễn Thị Lâm H - tức Tròn (11 hồ sơ) đều là nhân viên của Công ty cổ phần dịch vụ tư vấn Diamond Star - Đối tác của Ngân hàng VPBank để làm thủ tục vay tiền. Sau khi nộp hồ sơ, biết là sẽ có nhân viên của ngân hàng gọi điện đến các số điện thoại đã đăng ký trong hồ sơ để thẩm định, nên T nói cho Nguyễn Văn H biết việc làm của mình và bàn với H giả danh những người là nam giới có tên trên hồ sơ vay tiền và mở thẻ để trả lời nhân viên Ngân hàng VPBank. Khi được H đồng ý, T in những thông tin giả của những trường hợp là nam giới để đưa cho H biết trả lời, khi có điện thoại thẩm định từ phía Ngân hàng. Khi nhân viên của Ngân hàng gọi điện đến thẩm định hồ sơ, T đã giả danh là người đứng tên trên hồ sơ để trả lời đối với những trường hợp là nữ. H giả danh là người đứng tên trên hồ sơ để trả lời đối với những trường hợp là nam. Sau khi được Ngân hàng duyệt cấp thì đối với các khoản tiền vay, T đã trực tiếp hoặc nhờ người đứng tên trên hồ sơ đến chi nhánh VPBank tại Thái Bình ký nhận lĩnh tiền. Đối với các thẻ tín dụng, khi VPBank gửi qua đường chuyển phát nhanh về địa chỉ trường THCS thị trấn B, nhân viên bưu điện căn cứ vào số điện thoại ghi trên hồ sơ để gọi điện thì T hoặc H là người nghe điện thoại và nhận những bưu phẩm trên. Do cần tiền mặt để chi tiêu, mặt khác nếu tự rút tại các cây ATM thì sẽ bị tính lãi suất ngay tại thời điểm rút nên sau khi kích hoạt thẻ thông qua việc gọi điện hoặc nhắn tin lên tổng đài, T đã gửi cho C hoặc Nguyễn Thị Lâm H để nhờ rút hộ tiền tại các POS mua sắm. Với phương thức làm giả trên, T đã 15 lần thực hiện hành vi phạm tội độc lập và 07 lần phạm tội có sự giúp sức tích cực của bị cáo Nguyễn Văn H để chiếm đoạt của Ngân hàng VPBank tổng số tiền 1.807.000.000 đồng. Trong đó Nguyễn Văn H giúp T chiếm đoạt 759.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được, T đã sử dụng để chi tiêu cá nhân. Cụ thể hành vi giúp sức của H như sau:

1. Do có quan hệ thân thiết, nên khoảng tháng 6/2017 T gặp ông Phạm

Văn H hiện đang làm lao động tự do, hỏi mượn chứng minh nhân dân của vợ, chồng ông cùng sổ hộ khẩu gia đình để vay tiền tại Ngân hàng với mục đích trả nợ. Vì tin tưởng nên ông Phạm Văn H đưa cho T mượn chứng minh nhân dân của ông và vợ là bà Phạm Thị X cùng sổ hộ khẩu gia đình. Sau khi mượn được chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của vợ chồng ông Phạm Văn H, T phô tô lại để làm hồ sơ vay tiền và mở thẻ tín dụng. Khoảng 3 ngày sau, T mang các giấy tờ trả lại cho ông Phạm Văn H và đưa cho ông Phạm Văn H ký vào mục “Bên vay/ khách hàng/ chủ thẻ chính” của Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mục “chữ ký 1, chữ ký 2” của Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng. Ngày 05/6/2017, T làm giả xong hồ sơ vay tiền không có tài sản bảo đảm mang tên Phạm Văn H với thông tin nghề nghiệp là giáo viên trường THCS thị trấn B, mức đề nghị vay 99.000.000 đồng. Ngày 09/6/2017, sau khi thẩm định xong, Ngân hàng VPBank thông báo đã đồng ý khoản vay 99.000.000 đồng của ông Phạm Văn H đồng thời thông báo đến chi nhánh Ngân hàng VPBank nơi gần nhất để ký, nhận tiền vay. Do khoản tiền vay phải chính người vay đến nhận nên T gọi điện nhờ ông Phạm Văn H đi cùng Nguyễn Văn H đến Ngân hàng VPBank chi nhánh Thái Bình để lĩnh tiền. Ngày 12/6/2017, ông Phạm Văn H cùng H đến Ngân hàng VPBank chi nhánh Thái Bình ký nhận lĩnh tiền. Số tiền này, ông Phạm Văn H đưa hết cho H để đưa lại cho T.

Cũng với phương thức, thủ đoạn cũ, với sự giúp đỡ của Nguyễn Văn H, ngày 12/6/2017, T làm thêm hồ sơ vay tiền không có tài sản bảo đảm mang tên ông Phạm Văn H với mức đề nghị vay 50.000.000 đồng và hồ sơ mở thẻ tín dụng mang tên ông Phạm Văn H với hạn mức đề nghị 50.000.000 đồng và cũng được phê duyệt. Về khoản vay trên, sau khi lĩnh tiền, ông Phạm Văn H đã giao trực tiếp cho T. Tổng số tiền T chiếm đoạt trong trường hợp này là 199.000.000 đồng.

2. Ông Trần Đăng R là nhân viên bảo vệ theo diện hợp đồng của trường THCS thị trấn B. Khoảng tháng 5/2017, T gặp và đặt vấn đề nhờ ông R đứng tên vay tiền hộ T tại Ngân hàng để T mua đất. Do công tác cùng trường nên ông R tin tưởng và đưa cho T chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe của ông đồng thời ký tên vào mục “Bên vay/ khách hàng/ chủ thẻ chính” của Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mục “Chữ ký 1, chữ ký 2” của Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng theo sự H dẫn của T. Sau đó cũng với phương thức làm giả như trước, ngày 15/6/2017, T làm xong hồ sơ vay tiền không có tài sản bảo đảm tại Ngân hàng VPBank mang tên Trần Đăng R với thông tin nghề nghiệp là giáo viên trường THCS thị trấn B, mức đề nghị vay 90.000.000 đồng. Sau khi được phê duyệt, T nhờ ông R đi cùng H đến Ngân hàng VPBank chi nhánh Thái Bình để lĩnh nhận. Số tiền lĩnh được ông R giao lại hết cho Nguyễn Văn H để đưa lại cho T. Khi đưa ông R về đến trường THCS thị trấn B, theo sự chỉ đạo của T từ trước, H đã đưa cho ông R số tiền 2.000.000 đồng cảm ơn ông R. Ông R nhận số tiền này và sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân. Ngày 03/7/2017, T tiếp tục làm hồ sơ mở thẻ tín dụng giả mang tên Trần Đăng R với nghề nghiệp là giáo viên dạy môn Toán tại trường THCS thị trấn B và hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng. Sau đó, Ngân hàng VPBank đồng ý duyệt cấp thẻ tín dụng với hạn mức

47.000.000 đồng. Tổng số tiền T chiếm đoạt trong trường hợp này là 137.000.000 đồng.

3. Do có mối quan hệ quen biết, nên khoảng tháng 7/2017, T hỏi mượn chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của anh Phan Văn T nhưng không nói mục đích để làm gì và được anh T đồng ý. T dùng điện thoại chụp ảnh các loại giấy tờ trên rồi trả lại cho anh T. Với thủ đoạn cũ, ngày 04/7/2017, T làm xong hồ sơ mở thẻ tín dụng giả mang tên Phan Văn T với thông tin nghề nghiệp là giáo viên dạy môn Vật Lý tại trường THCS thị trấn B, hạn mức đề nghị 45.000.000 đồng. Ngân hàng VPBank đồng ý duyệt cấp thẻ tín dụng với hạn mức 36.000.000 đồng. T chiếm đoạt của Ngân hàng là 36.000.000 đồng.

4. Do là vợ chồng nên khoảng tháng 6/2017, lợi dụng sơ hở của anh Vũ Xuân Q, T đã tự ý lấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình sau đó làm hồ sơ mở thẻ tín dụng mang tên Vũ Xuân Q. Cũng với thủ đoạn như trước, T làm giả Bảng xác nhận thông tin nhân sự và thu nhập của anh Q với nghề nghiệp là giáo viên dạy môn Vật Lý tại trường THCS thị trấn B. Ngày 03/6/2017, T làm xong hồ sơ mở thẻ tín dụng giả mang tên Vũ Xuân Q với hạn mức đề nghị 50.000.000 đồng. Sau khi thẩm định, Ngân hàng VPBank cấp thẻ tín dụng với hạn mức hồ sơ mang tên anh Q 49.000.000 đồng. Số tiền T chiếm đoạt là 49.000.000 đồng.

5. Do trước đây anh Nguyễn Duy D là giáo viên trường THCS thị trấn B đã đưa chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu gia đình cho T nhờ đăng ký lớp chứng chỉ ngoại ngữ nên T đã chụp lại các giấy tờ trên. T nảy ra ý định dùng giấy tờ và thông tin cá nhân của anh D để lập hồ sơ giả mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng VPBank. Ngày 25/9/2017, T làm xong hồ sơ mở thẻ tín dụng giả mang tên Nguyễn Duy D với nghề nghiệp là giáo viên dạy môn Toán tại trường THCS thị trấn B, hạn mức đề nghị 65.000.000 đồng. Ngân hàng VPBank duyệt cấp thẻ tín dụng với hạn mức 52.000.000 đồng. Số tiền T chiếm đoạt là 52.000.000 đồng.

6. Do có quan hệ họ hàng nên khoảng tháng 10/2017, T gọi điện cho anh Bùi Văn Q nhờ chụp ảnh chứng minh nhân dân gửi cho T với lý do để làm thẻ bán hàng qua mạng. Sau khi nhận được hình ảnh do anh Q gửi, T đã sử dụng thông tin trên ghép với Sổ hộ khẩu gia đình ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1959, trú tại thôn E, xã G, huyện C, tỉnh Thái Bình. T làm giả Bảng xác nhận thông tin nhân sự và thu nhập của anh Q với nghề nghiệp là giáo viên dạy môn Vật Lý tại trường THCS thị trấn B. Ngày 10/10/2017, T làm xong hồ sơ với hạn mức đề nghị 75.000.000 đồng. Ngân hàng VPBank đã duyệt cấp thẻ tín dụng với hạn mức 58.000.000 đồng. Số tiền T chiếm đoạt là 58.000.000 đồng.

7. Khoảng tháng 8/2017, T bàn với H mượn chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của những người quen để gửi cho T lấy thông tin lập hồ sơ mở thẻ tín dụng và H đồng ý. Do có quan hệ bạn bè, với nhiều lý do khác nhau, H đã xin được ảnh chụp chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe của các anh Nguyễn Đức T, anh Nguyễn Hữu T, anh Nguyễn Huy M, anh Ngô Quang T đều trú tại huyện C rồi gửi lại cho T. Cũng với thủ đoạn như trước, T làm giả hồ sơ đề nghị mở thẻ tín dụng của anh Nguyễn Đức T có mức đề nghị 70.000.000 đồng,

của anh Nguyễn Hữu T có mức đề nghị 60.000.000 đồng, của anh Nguyễn Huy M có mức đề nghị 60.000.000 đồng, của anh Ngô Quang T có mức đề nghị 55.000.000 đồng. Do kết quả thẩm định trùng với thông tin có trong hồ sơ nên Ngân hàng VPBank đồng ý cấp thẻ tín dụng cho người có tên trong hồ sơ với hạn mức 70.000.000 đồng cho anh Nguyễn Đức T, 57.000.000 đồng cho anh Nguyễn Hữu T, 46.000.000 đồng cho anh Nguyễn Huy M, 55.000.000 đồng cho anh Ngô Quang T. Tổng số tiền T chiếm đoạt là 228.000.000 đồng.

Toàn bộ các thẻ tín dụng sau khi kích hoạt thành công, T thuê xe ô tô dịch vụ của anh Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Tiến K mang lên Hà Nội giao cho Vũ Tuấn C (14 trường hợp), và Nguyễn Thị Lâm H (11 trường hợp) để nhờ C, Nguyễn Thị Lâm H rút hộ tiền tại các POS mua sắm. Phí rút tiền từ 1,7% đến 2,5% trên tổng số tiền rút, tùy từng POS mua sắm tại từng thời điểm. Số tiền rút được sau khi trừ tiền phí rút, C, Nguyễn Thị Lâm H giao lại cho anh Nguyễn Thanh T hoặc anh Nguyễn Tiến K mang về cho T và giữ lại các thẻ tín dụng để giúp T đáo hạn về sau vì T không có tiền để hoàn lại tài khoản thẻ đã rút. Việc đáo hạn được thực hiện bằng cách nhờ các POS mua sắm ứng khoản tiền bằng với số tiền T đã rút trong các thẻ để hoàn lại vào tài khoản thẻ, mục đích để tránh phát sinh lãi suất, sau đó các POS mua sắm sẽ lại rút số tiền đã ứng ra và T phải chịu khoản phí đáo hạn từ 1,7% đến 3%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2019/HS-ST ngày 12/7/2019 của TAND tỉnh Thái Bình đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm s khoản 1 + khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H 12 (Mười hai) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/07/2019, Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn H giữ nguyên kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo thực hiện như toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Thị T là người chủ mưu, khởi xướng nên phải chịu trách nhiệm chính. Bị cáo H giữ vai trò giúp sức. Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự về Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm là thiếu sót; quyết định xử phạt bị cáo H 12 năm tù là có phần nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để quyết định mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H, Luật sư Đinh Thị Kim T có ý kiến: Luật sư nhất trí với tội danh, điều luật và các tình tiết giảm nhẹ đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo giúp sức cho người thân, không được hưởng lợi gì. Trước khi

vụ án bị phát hiện bị cáo T đã khắc phục trả Ngân hàng số tiền trên 200 triệu đồng trong đó có tiền của ông R do bị cáo H giúp sức; cần buộc các đối tượng Vũ Tuấn C và Nguyễn Thị Lâm H là nhân viên của Công ty cổ phần dịch vụ tư vấn Diamondstar được hưởng khoản phí từ 1,7% đến 3% số tiền thu được phải chịu trách nhiệm dân sự liên đới. Đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm; lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của bị cáo Nguyễn Thị T, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của đại diện nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng. Ngoài ra còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ như: Tài liệu in rút từ các tài khoản zalo, facebook, gmail về việc trao đổi thông tin của các bị cáo với những người liên quan, các tài liệu thu giữ được của bị cáo T khi thực hiện các Lệnh khám xét như các phong bì thư đựng thẻ tín dụng và mã Pin của ngân hàng VPBank, các tờ giấy A4 trắng có đóng sẵn dấu tròn của trường THCS thị trấn B, dấu chức danh của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, các sổ hộ khẩu bị cắt ghép, các bảng xác nhận thông tin nhân sự và thu nhập có đóng sẵn dấu đỏ và dấu chức danh của Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng trường THCS thị trấn B, các tài liệu chuyển thể tài liệu từ dạng âm thanh sang dạng văn bản việc trao đổi giữa các bị cáo với nhân viên thẩm định của Ngân hàng. Các Bản kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình. Các bản Kết luận giám định của Viện khoa học hình sự Bộ công cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đủ căn cứ kết luận: Trong thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 10/2017 bị cáo Nguyễn Thị T đã lợi dụng sự tin tưởng và thiếu hiểu biết của một số người quen và đồng nghiệp, sự quản lý không chặt chẽ trong hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam thịnh vượng (VPBank) cũng như quản lý con dấu của Trường THCS thị trấn B, huyện C, bị cáo đã sử dụng thông tin cá nhân của bản thân và 24 người khác để làm giả 05 hồ sơ vay tiền và 25 hồ sơ mở thẻ tín dụng, lừa dối nhân viên Ngân hàng khi thẩm định hồ sơ để chiếm đoạt của Ngân hàng VPBank số tiền **1.807.000.000 đồng**. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội Nguyễn Thị T đã nhờ em trai là Nguyễn Văn H giúp sức lấy ảnh chụp chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của 04 trường hợp (bạn của H) gửi cho bị cáo để làm hồ sơ mở thẻ, sau đó bị cáo H giả danh những người vay tiền, mở thẻ là nam giới nghe điện thoại và trả lời các cuộc gọi thẩm định từ nhân viên Ngân hàng VPBank...qua đó giúp bị cáo T chiếm đoạt được **759.000.000 đồng**. Số tiền chiếm đoạt được bị cáo T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết, không chia cho H. Hành vi nêu trên của Nguyễn Thị T và Nguyễn Văn H đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy

định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến uy tín của các tổ chức, cá nhân. Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đây là vụ án có đồng phạm, bị cáo H tham gia với vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo T chiếm đoạt tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định nhưng không áp dụng quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự về Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm là thiếu sót. Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ sửa án sơ thẩm áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự, đảm bảo tính chính xác trong việc áp dụng pháp luật.

Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ, chính xác tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 12 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên không có căn cứ xem xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Đối với kiến nghị của Luật sư Đinh Thị Kim T về việc buộc các đối tượng Vũ Tuấn C và Nguyễn Thị Lâm H là nhân viên của Công ty cổ phần dịch vụ tư vấn Diamondstar được hưởng khoản phí từ 1,7% đến 3% trên tổng số tiền thu được phải chịu trách nhiệm dân sự liên đới là không có cơ sở. Bởi khoản phí trên được trả cho các POS mua sắm không có cá nhân nào được hưởng lợi và đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí phúc thẩm: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nhưng cấp phúc thẩm có sửa bản án sơ thẩm nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 28/2019/HS-ST ngày 12/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình về phần áp dụng điều luật.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 12 (Mười hai) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật ngay sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ 1)
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thu Hà